

BỘ TÀI CHÍNH
BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 793 /QĐ-BHXXH

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ
quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp**

GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13, Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14, Luật số 30/2023/QH15 và Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 212/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3179/QĐ-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-BHXXH ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy chế đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm thất nghiệp và quỹ dự phòng rủi ro;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ, Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Trưởng Ban Quản lý Đầu tư quỹ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Giám đốc BHXH Việt Nam (để báo cáo);
- Lãnh đạo BHXH Việt Nam;
- Lưu: VT, KTNB.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Đình Liệu

QUY CHẾ

Quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 793 /QĐ-BHXH ngày 18 tháng 9 năm 2026
của Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam huc)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của BHXH Việt Nam (sau đây viết tắt là hoạt động đầu tư từ quỹ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân thuộc BHXH Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động đầu tư từ quỹ và quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ (sau đây viết tắt là rủi ro): là khả năng phát sinh tổn thất hoặc không đạt được khả năng chi trả kịp thời, mức sinh lời mục tiêu do các yếu tố bất lợi phát sinh trong quá trình hoạt động đầu tư từ quỹ.

2. Quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ: là hệ thống các quy trình và biện pháp nhằm đảm bảo an toàn, tuân thủ pháp luật và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí đầu tư từ quỹ.

3. Đơn vị phát hiện rủi ro: là các đơn vị có trách nhiệm nhận diện, đo lường và đánh giá mức độ rủi ro khi được giao thực hiện các khâu của hoạt động đầu tư từ quỹ.

4. Bộ phận quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ (sau đây viết tắt là Bộ phận quản lý rủi ro): là bộ phận được giao nhiệm vụ đo lường, giám sát và kiểm soát các rủi ro phát sinh trong hoạt động đầu tư từ quỹ.

5. Tiêu chí đo lường rủi ro: là tập hợp các chỉ tiêu định tính và định lượng được xác định trước, dùng để đánh giá mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra của rủi ro, làm cơ sở cho việc so sánh, theo dõi và kiểm soát rủi ro trong quá trình quản lý và ra quyết định trong hoạt động đầu tư từ quỹ.

6. Khung quản lý rủi ro của hoạt động đầu tư từ quỹ: là hệ thống các mục tiêu, nguyên tắc, trách nhiệm của đơn vị cá nhân, quy trình được thiết lập nhằm nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro phát sinh trong hoạt động đầu tư từ quỹ, bảo đảm an toàn, khả năng chi trả và tuân thủ pháp luật.

Điều 4. Mục tiêu ban hành

1. Thiết lập khung quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ.

2. Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, giám sát và kiểm soát rủi ro phát sinh trong quá trình đầu tư.

3. Bảo đảm an toàn, khả năng thanh toán dài hạn kịp thời và hiệu quả đầu tư của các quỹ.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý rủi ro

1. Công tác quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư từ quỹ được thực hiện một cách chủ động, toàn diện, thường xuyên và có hệ thống.

2. Việc quản lý rủi ro phải bảo đảm tính độc lập, khách quan, tách biệt giữa khâu ra quyết định đầu tư, khâu kiểm soát và khâu kiểm toán nội bộ.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật và danh mục đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Ưu tiên mục tiêu an toàn, khả năng thanh khoản, sau đó mới xem xét hiệu quả sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ.

Chương II

PHÂN LOẠI, NHẬN DIỆN, ĐO LƯỜNG, PHÒNG NGỪA RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ QUỸ

Điều 6. Phân loại rủi ro trong hoạt động đầu tư từ quỹ

1. Rủi ro chiến lược: phát sinh do xác định nguồn vốn đầu tư căn cứ trên dự kiến số thu, số phải chi trả trong kỳ có chênh lệch lớn so với thực tế; việc xây dựng, lựa chọn hoặc thực hiện chiến lược đầu tư không phù hợp với tính chất, mục tiêu quản lý của từng quỹ, điều kiện thị trường, năng lực quản trị và yêu cầu của pháp luật trong từng thời kỳ; phương án đầu tư lỗi thời do khoảng cách thời gian giữa thời điểm thông qua và thời điểm thực hiện.

2. Rủi ro tuân thủ: phát sinh do sai sót trong quy trình nghiệp vụ, kiểm soát nội bộ, năng lực hoặc đạo đức nghề nghiệp cán bộ, hoặc do sự cố công nghệ, thông tin.

3. Rủi ro thị trường: phát sinh do biến động lãi suất, lạm phát hoặc các yếu tố kinh tế vĩ mô khác, dẫn đến suy giảm giá trị hoặc hiệu quả đầu tư.

4. Rủi ro tín dụng: phát sinh khi tổ chức phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, ngân hàng thương mại không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

5. Rủi ro thanh khoản: phát sinh khi có nhu cầu chi trả chế độ tại một số thời điểm đột xuất mà nguồn tiền thực hiện chi trả không đủ, trong khi các khoản gốc và lãi đầu tư chưa đến hạn hoặc chưa được thanh toán, các khoản đầu tư có khả năng không thể chuyển đổi thành tiền để thực hiện nghĩa vụ chi trả.

6. Rủi ro đầu tư tập trung: phát sinh do xây dựng, phê duyệt chiến lược, phương án, kế hoạch đầu tư tập trung quá mức vào một loại tài sản (danh mục đầu tư), một đối tác hoặc một kỳ hạn.

7. Rủi ro chính sách: phát sinh khi sự thay đổi, điều chỉnh, ban hành mới các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, quy định pháp luật hoặc cơ chế

quản lý liên quan đến hoạt động đầu tư, làm thay đổi mục tiêu, phạm vi, điều kiện, phương thức hoặc hiệu quả đầu tư của quỹ.

Điều 7. Nhận diện rủi ro đối với từng danh mục đầu tư

Nhận diện rủi ro trong hoạt động đầu tư từ quỹ là quá trình xác định các rủi ro có thể phát sinh trong toàn bộ vòng đời đầu tư, bao gồm từ khâu xây dựng chiến lược đầu tư, phương án đầu tư, lựa chọn danh mục đầu tư, thẩm định, quyết định đầu tư, quản lý - giám sát danh mục đầu tư đến khâu thu hồi vốn; nguyên nhân chủ yếu; khả năng ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện mục tiêu an toàn, thanh khoản và hiệu quả.

1. Nhận diện những rủi ro khả năng xảy ra thường xuyên đối với từng danh mục đầu tư

1.1. Trái phiếu Chính phủ, Công trái xây dựng Tổ quốc, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước

Danh mục đầu tư mua Trái phiếu Chính phủ, Công trái xây dựng Tổ quốc, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước thường phát sinh những rủi ro sau:

a) Rủi ro chiến lược: nhận diện qua chênh lệch thu - chi để đầu tư, rủi ro chiến lược về cơ cấu kỳ hạn và rủi ro chiến lược về lợi suất dài hạn.

b) Rủi ro tuân thủ: nhận diện qua đầu tư sai loại hình, sai kỳ hạn so với chiến lược, phương án, kế hoạch; đầu tư vượt phương án, kế hoạch; nguyên nhân do kiểm soát nội bộ chưa chặt chẽ; khả năng phát sinh vi phạm quy chế, quy trình chuyên môn.

c) Rủi ro thị trường: nhận diện qua sự biến động lãi suất của thị trường làm ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và danh mục đầu tư của quỹ áp dụng chiến lược nắm giữ đến ngày đáo hạn nên phát sinh rủi ro rất thấp.

d) Rủi ro tín dụng: được Chính phủ đảm bảo khả năng thanh toán gốc, lãi nên phát sinh rủi ro thấp.

đ) Rủi ro thanh khoản: nhận diện qua thanh khoản thị trường thứ cấp suy giảm; nguyên nhân quy định về thẩm quyền và khối lượng giao dịch thấp; làm ảnh hưởng đến việc khó cơ cấu lại danh mục đầu tư khi cần thiết có thể chuyển đổi thành tiền phục vụ nhiệm vụ chi trả.

e) Rủi ro đầu tư tập trung: nhận diện qua tập trung vào một kỳ hạn hoặc thời điểm đáo hạn.

g) Rủi ro chính sách: nhận diện qua thay đổi chính sách tài khóa, phát hành, lãi suất điều hành.

1.2. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh

Danh mục đầu tư mua Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thường phát sinh những rủi ro sau:

a) Rủi ro chiến lược: nhận diện qua lựa chọn danh mục đầu tư không phù hợp mục tiêu đầu tư quỹ và rủi ro phụ thuộc chính sách.

b) Rủi ro tuân thủ: nhận diện qua đầu tư vượt phương án, kế hoạch; nguyên nhân do kiểm soát nội bộ chưa chặt chẽ; khả năng phát sinh vi phạm quy chế, quy trình chuyên môn; bảo lãnh hết hiệu lực hoặc không đúng phạm vi.

c) Rủi ro thị trường: nhận diện qua biến động lãi suất và khả năng thanh khoản.

d) Rủi ro tín dụng: nhận diện qua đơn vị phát hành gặp khó khăn (rủi ro gián tiếp); nguyên nhân do hiệu quả hoạt động của đơn vị phát hành thấp; khả năng dẫn đến là chậm thu hồi vốn, hiệu quả đầu tư không được như mục tiêu.

đ) Rủi ro thanh khoản: nhận diện qua việc khó chuyển nhượng khi chính sách bảo lãnh thay đổi.

e) Rủi ro đầu tư tập trung: nhận diện qua tập trung vào mua số lượng lớn trái phiếu vào một tổ chức phát hành được bảo lãnh.

g) Rủi ro chính sách: nhận diện qua thay đổi cơ chế bảo lãnh; nguyên nhân do có sự điều chỉnh về cơ chế quản lý chính sách tài chính, tiền tệ; ảnh hưởng đến chiến lược, phương án, kế hoạch đầu tư không còn phù hợp.

1.3. Trái phiếu Chính quyền địa phương

Danh mục đầu tư mua Trái phiếu Chính quyền địa phương thường phát sinh những rủi ro sau:

a) Rủi ro chiến lược: nhận diện qua chiến lược trong việc phân bổ vốn theo địa bàn địa lý và đầu tư vượt mức chấp nhận rủi ro dài hạn.

b) Rủi ro tuân thủ: nhận diện qua đầu tư vượt phương án, kế hoạch; nguyên nhân do kiểm soát nội bộ chưa chặt chẽ; khả năng phát sinh vi phạm quy chế, quy trình chuyên môn.

c) Rủi ro thị trường: nhận diện qua thanh khoản thị trường thứ cấp, biến động lãi suất.

d) Rủi ro tín dụng: nhận diện qua khả năng trả nợ của địa phương suy giảm; nguyên nhân do thu ngân sách địa phương không hoàn thành dự toán; nguy cơ chậm trả ảnh hưởng tới khả năng thanh khoản và hiệu quả đầu tư.

đ) Rủi ro thanh khoản: nhận diện qua không có khả năng thanh khoản, thị trường thứ cấp hạn chế giao dịch tài sản.

e) Rủi ro đầu tư tập trung: nhận diện qua tập trung vào mua trái phiếu của một số địa phương; nguyên nhân do thiếu đa dạng hoá phương án đầu tư; làm phát sinh rủi ro tín dụng tác động đến hiệu quả đầu tư; không thẩm định báo cáo nợ công địa phương, nghị quyết hội đồng nhân dân địa phương, quyết định của Ủy ban nhân dân.

g) Rủi ro chính sách: nhận diện qua sự thay đổi về cơ chế phát hành, chính sách bảo lãnh; nguyên nhân do có sự thay đổi, điều chỉnh quy định của pháp luật; giảm mức độ an toàn đầu tư, khó chuyển đổi tài sản đầu tư, gia tăng áp lực thanh khoản.

1.4. Gửi tiền, mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi từ ngân hàng thương mại

Danh mục đầu tư này thường phát sinh những rủi ro sau:

a) Rủi ro chiến lược: nhận diện qua việc phụ thuộc quá mức vào tiền gửi và lựa chọn đối tác ngân hàng không phù hợp chiến lược an toàn.

b) Rủi ro tuân thủ: nhận diện qua gửi tiền tại ngân hàng không đủ điều kiện theo quy định, đầu tư vượt phương án, kế hoạch; nguyên nhân do kiểm soát nội bộ chưa chặt chẽ; khả năng phát sinh vi phạm quy chế, quy trình chuyên môn.

c) Rủi ro thị trường: nhận diện qua biến động lãi suất của thị trường.

d) Rủi ro tín dụng: nhận diện qua ngân hàng suy giảm hoặc mất khả năng chi trả; nguyên nhân do ngân hàng không có đủ tiền và tài sản thanh khoản cao để đáp ứng nghĩa vụ đến hạn; chậm thanh toán tiền lãi cũng như gốc ảnh hưởng tới an toàn đầu tư.

đ) Rủi ro thanh khoản: nhận diện qua việc rút tiền trước hạn đầu tư; nguyên nhân do nhu cầu chi trả đột xuất của các quỹ; làm giảm hiệu quả của danh mục đầu tư do giảm lãi suất thực nhận.

e) Rủi ro đầu tư tập trung: nhận diện qua tập trung mua số lượng lớn tỷ lệ tiền gửi vào một ngân hàng thương mại nhà nước và ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ theo quy định.

g) Rủi ro chính sách: nhận diện qua thay đổi chính sách tiền tệ, quy định an toàn hệ thống ngân hàng.

Ngoài ra, các đơn vị được giao xây dựng chiến lược, phương án, kế hoạch đầu tư; thực hiện đầu tư; quản lý giám sát đầu tư còn căn cứ chủ trương chính sách về tài chính, chính sách về tín dụng của Đảng và Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế - xã hội để nhận diện những rủi ro khác có thể phát sinh đối với từng danh mục đầu tư.

2. Tần suất thực hiện việc nhận diện và xác định mức độ rủi ro

2.1. Việc nhận diện và xác định mức độ rủi ro trong hoạt động đầu tư từ quỹ do các đơn vị được giao nhiệm vụ có liên quan đến công tác đầu tư và quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ thực hiện đồng thời tại các khâu chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và kết quả đầu tư; định kỳ hằng quý, hằng năm tổng hợp đánh giá đối với toàn bộ danh mục đầu tư và từng khoản đầu tư cụ thể.

2.2. Việc nhận diện và xác định mức độ rủi ro đột xuất trong các trường hợp sau đây:

- Có thay đổi về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc quy định nội bộ liên quan đến hoạt động đầu tư.

- Có điều chỉnh chiến lược đầu tư, danh mục đầu tư, phương thức đầu tư hoặc giới hạn đầu tư.

- Thị trường tài chính - tiền tệ có biến động lớn, xuất hiện yếu tố bất thường có thể ảnh hưởng đến an toàn và hiệu quả đầu tư.

- Phát sinh dấu hiệu rủi ro gia tăng, sự kiện rủi ro hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2.3. Kết quả nhận diện và xác định mức độ rủi ro là cách thức để thực hiện các biện pháp kiểm tra, kiểm soát, phòng ngừa theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và xử lý rủi ro theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.

Điều 8. Đo lường và xác định ngưỡng rủi ro đối với đầu tư từ quỹ

1. Chỉ tiêu đo lường rủi ro

1.1. Rủi ro định tính

Đảm bảo việc nhận diện rủi ro gắn với yêu cầu tuân thủ pháp luật và an toàn quỹ. Đặc thù hoạt động đầu tư từ quỹ là có danh mục đầu tư mang tính an toàn,

dài hạn, ít rủi ro; không vì mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận; hạn chế về công cụ đầu tư và đối tượng đầu tư. Nhiều rủi ro trong hoạt động đầu tư không thể đo lường thông qua các tín hiệu thị trường (như biến động giá chứng khoán, tỷ lệ lạm phát...), mà chỉ có thể được nhận diện và đánh giá thông qua các yếu tố định tính, bao gồm năng lực quản trị, mức độ tuân thủ pháp luật, chất lượng quy trình nội bộ, uy tín của đối tác và các dấu hiệu cảnh báo tiềm ẩn có liên quan đến rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Đề đo lường rủi ro định tính Quy chế sử dụng chỉ tiêu khả năng xảy ra rủi ro:

Khả năng xảy ra rủi ro (sau đây được ký hiệu là K): là những rủi ro có thể xảy ra trong đầu tư từ quỹ do chịu sự ảnh hưởng bởi các yếu tố như kinh tế vĩ mô, tiền tệ, tài chính và diễn biến thị trường có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến giá trị, lãi suất, thanh khoản và mức độ an toàn của các khoản đầu tư từ quỹ; công tác nhận diện, kiểm soát và xử lý rủi ro chưa kịp thời; việc đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy chế nội bộ chưa đầy đủ.

Khả năng xảy ra rủi ro được mô tả qua 3 mức độ:

- Ít xảy ra (được quy ước là 01 điểm);
- Có thể xảy ra (được quy ước là 02 điểm);
- Thường xuyên xảy ra (được quy ước là 03 điểm)

1.2. Rủi ro định lượng

Rủi ro định lượng là các rủi ro có thể đo lường được bằng số liệu, thông qua các chỉ tiêu, tỷ lệ và mô hình tính toán cụ thể. Việc xây dựng chỉ tiêu rủi ro định lượng nhằm lượng hóa mức độ rủi ro, thiết lập ngưỡng kiểm soát và phục vụ công tác giám sát, cảnh báo sớm.

Hệ thống số liệu phục vụ xác định rủi ro định lượng được xây dựng trên cơ sở các dữ liệu về danh mục đầu tư, dòng tiền, hiệu quả đầu tư, rủi ro tín dụng, dữ liệu thị trường, thông tin đối tác, dữ liệu lịch sử và kết quả kiểm tra, giám sát; được thu thập từ hệ thống nội bộ, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị đối tác đầu tư và các nguồn thông tin hợp pháp khác. Quy chế sử dụng chỉ tiêu Mức độ tác động của rủi ro để làm cơ sở lượng hoá mức độ rủi ro.

Mức độ tác động của rủi ro (sau đây được ký hiệu là T): là những hậu quả nếu rủi ro xảy ra như mức tổn thất tài chính; ảnh hưởng tới an toàn và khả năng chi trả của quỹ; mức độ ảnh hưởng tới mục tiêu an toàn và phát triển quỹ.

Tác động của rủi ro được mô tả qua 3 mức độ:

- Ảnh hưởng không đáng kể (được quy ước là 01 điểm);
- Ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư (được quy ước là 02 điểm);
- Ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn và khả năng chi trả của quỹ (được quy ước là 03 điểm);

2. Điểm rủi ro (sau đây được ký hiệu là R): là giá trị được xác định bằng tích số giữa mức độ khả năng xảy ra rủi ro và mức độ tác động của rủi ro, phản ánh mức độ ảnh hưởng tiềm ẩn của rủi ro đối với mục tiêu an toàn, khả năng chi trả và hiệu quả đầu tư của quỹ.

Điểm rủi ro = Khả năng xảy ra rủi ro X Mức độ tác động ($R = K \times T$)

3. Ngưỡng rủi ro

Điểm rủi ro	Ngưỡng	Hướng xử lý
Từ 01 điểm đến 02 điểm	An toàn	Chấp nhận
Từ 03 điểm đến 04 điểm	Cảnh báo	Tăng cường kiểm tra, giám sát
Trên 05 điểm	Vi phạm	Không chấp nhận

Điều 9. Phòng ngừa rủi ro

Các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động đầu tư từ quỹ chịu trách nhiệm tiếp tục nhận diện, đo lường để đưa ra các biện pháp phòng ngừa theo từng loại rủi ro đối với từng danh mục đầu tư.

(Chi tiết tại Phụ lục I đến Phụ lục VII kèm theo Quy chế này).

Chương III

KIỂM TRA, GIÁM SÁT, QUY TRÌNH XỬ LÝ KHI PHÁT SINH RỦI RO

Điều 10. Tự kiểm tra, giám sát rủi ro

1. Phạm vi tự kiểm tra, kiểm soát rủi ro

1.1. Tự kiểm tra, giám sát giai đoạn chuẩn bị đầu tư

a) Ban Tài chính - Kế toán:

- Đánh giá khả năng chi trả dài hạn để nhận diện và xác định mức độ rủi ro thanh khoản.

- Phối hợp với Ban Quản lý Đầu tư quỹ kiểm tra cơ cấu, tính chất nguồn kinh phí từ các quỹ sử dụng để đầu tư phù hợp kỳ hạn, mục tiêu chi trả.

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đầu tư.

- Lập Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN theo Mẫu số 01 kèm theo Quy chế này (sau đây viết tắt là Mẫu số 01) gửi Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro) cùng thời gian cung cấp số liệu phục vụ công tác đầu tư cho Ban Quản lý Đầu tư quỹ đã quy định tại Quyết định số 428/QĐ-BHXH ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành Quy chế đầu tư quỹ BHXH, quỹ BHYT, quỹ BHTN và quỹ dự phòng rủi ro.

b) Ban Thực hiện chính sách BHXH:

- Nhận diện mức độ rủi ro (bao gồm rủi ro chính sách, rủi ro chiến lược...) phát sinh do có sự thay đổi của chế độ chính sách làm ảnh hưởng đến cân đối các quỹ.

- Lập Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số 01) gửi Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro) cùng thời gian cung cấp số liệu phục vụ công tác đầu tư cho Ban Quản lý Đầu tư quỹ đã quy định tại Quyết định số 428/QĐ-BHXH.

c) Ban Thực hiện chính sách BHYT:

- Nhận diện mức độ rủi ro (bao gồm rủi ro chính sách, rủi ro chiến lược...) phát sinh do có sự thay đổi của chế độ chính sách làm ảnh hưởng đến thu, chi quỹ.

- Lập Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số 01) gửi Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro) cùng thời gian cung cấp số liệu phục vụ công tác đầu tư cho Ban Quản lý Đầu tư quỹ đã quy định tại Quyết định số 428/QĐ-BHXH.

d) Ban Quản lý thu và phát triển người tham gia:

- Kiểm tra nhận diện mức độ rủi ro (bao gồm rủi ro chính sách, rủi ro chiến lược...) phát sinh khi có sự thay đổi của chính sách làm ảnh hưởng đến số thu dự kiến phát sinh.

- Lập Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số 01) gửi Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro) cùng thời gian cung cấp số liệu phục vụ công tác đầu tư cho Ban Quản lý Đầu tư quỹ đã quy định tại Quyết định số 428/QĐ-BHXH.

đ) Ban Quản lý Đầu tư quỹ:

- Đánh giá mức độ của các loại rủi ro (bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro đầu tư tập trung, rủi ro chính sách...).

- Kiểm tra căn cứ pháp lý, đối tượng, danh mục, hạn mức, kỳ hạn đầu tư trên cơ sở phương án, kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt.

- Lập Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số 01) và hồ sơ phương án đầu tư gửi Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro).

e) Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro):

- Giám sát nội dung xác định mức độ và các biện pháp phòng ngừa rủi ro khâu chuẩn bị đầu tư.

- Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ, quy trình phê duyệt phương án đầu tư.

- Lập Báo cáo đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ Quỹ BHXH, BHYT, BHTN theo Mẫu số 02 kèm theo Quy chế này (sau đây viết tắt là Mẫu số 02) gửi Ban Quản lý Đầu tư quỹ chậm nhất sau 03 ngày kể từ ngày nhận đủ Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN của các đơn vị để bổ sung hồ sơ trình Giám đốc BHXH Việt Nam phê duyệt phương án đầu tư.

1.2. Tự kiểm tra, giám sát trong quá trình đầu tư

a) Ban Quản lý Đầu tư quỹ:

- Kiểm tra để theo dõi nhận diện rủi ro việc giải ngân, tái đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư.

- Theo dõi nhận diện rủi ro trong giao dịch thực hiện đầu tư tại thị trường thứ cấp.

- Khi phát sinh rủi ro lập Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số 01) gửi Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro).

b) Ban Tài chính - Kế toán:

- Nhận diện rủi ro khả năng thanh khoản, khả năng chi trả của quỹ.

- Khi phát sinh rủi ro lập Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số 01) gửi Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro).

c) Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro):

- Giám sát việc tuân thủ hạn mức, mức độ rủi ro đã được phê duyệt.

- Lập Báo cáo đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số 02) gửi Giám đốc BHXH Việt Nam.

1.3. Tự kiểm tra, giám sát kết quả đầu tư

a) Ban Quản lý Đầu tư quỹ:

- Tự kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư so với kế hoạch.

- Tự kiểm tra tổng mức đã thực hiện đầu tư theo từng danh mục so với chiến lược, phương án, kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt.

- Lập Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số 01) gửi Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro).

b) Ban Tài chính - Kế toán:

- Đối chiếu, kiểm tra việc thu hồi gốc, lãi, xử lý các khoản đến hạn.

- Tự kiểm tra tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng rủi ro và phân bổ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ.

- Lập Báo cáo tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số 01) gửi Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro).

c) Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro):

- Giám sát mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro.

- Giám sát việc xác định tỷ lệ sinh lời của từng quỹ BHXH, BHYT, BHTN.

- Lập Báo cáo đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN (Mẫu số 02) gửi Giám đốc BHXH Việt Nam.

2. Hình thức và tần suất tự kiểm tra, giám sát.

- Tự kiểm tra, giám sát thường xuyên: hằng tháng đối với các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện và quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ.

- Kiểm tra đột xuất: khi phát sinh dấu hiệu rủi ro cao, vi phạm nghiêm trọng hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Điều 11. Các bước xử lý khi phát sinh rủi ro

1. Đơn vị được giao thực hiện công tác đầu tư

1.1. Đơn vị phát hiện rủi ro có trách nhiệm

- Lập Báo cáo phát hiện rủi ro gửi Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro).

- Trường hợp rủi ro nghiêm trọng (bao gồm rủi ro phát sinh ngoài dự kiến, vượt mức độ rủi ro cho phép) có khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn quỹ phải báo cáo Giám đốc BHXH Việt Nam để có chỉ đạo kịp thời.

1.2. Báo cáo phát hiện rủi ro phải nêu rõ:

- Nguyên nhân sơ bộ;
- Xác định mức độ ảnh hưởng dự kiến đến an toàn, thanh khoản và hiệu quả đầu tư của quỹ;
- Kiến nghị biện pháp xử lý ban đầu (nếu có).

2. Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro) phân tích và đánh giá mức độ rủi ro

2.1. Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro) chủ trì

- Xác định loại rủi ro (thị trường, tín dụng, thanh khoản, tuân thủ...);
- Đánh giá khả năng xảy ra và mức độ tác động của rủi ro;
- Phân loại mức độ rủi ro: an toàn - cảnh báo - vi phạm.

2.2. Trường hợp cần thiết Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro) tham mưu trình Giám đốc BHXH Việt Nam quyết định thành lập Tổ xử lý rủi ro để đánh giá chuyên sâu.

Điều 12. Lập và trình hồ sơ xử lý

1. Lập hồ sơ xử lý: Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro) chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thu thập hồ sơ, chứng từ, số liệu cần thiết trình Giám đốc BHXH Việt Nam. Hồ sơ gồm:

1.1. Nội dung nhận diện, đánh giá mức độ rủi ro, nguyên nhân dẫn đến rủi ro;

1.2. Tài liệu, hồ sơ số liệu chứng minh.

1.3 Phương án xử lý:

- Đối với những rủi ro có ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản, hiệu quả đầu tư do chấp hành các quy định của pháp luật, quy chế quy trình của BHXH Việt Nam thì căn cứ các biện pháp phòng ngừa rủi ro tại Phụ lục I đến Phụ lục VII của Quy chế này để xây dựng phương án xử lý.

- Đối với những rủi ro (thường xảy ra đối với rủi ro tín dụng, rủi ro tuân thủ) làm chậm hoặc không thanh toán được lãi hoặc gốc và rủi ro dẫn đến vốn đầu tư không thu hồi đúng hạn hoặc không có khả năng thu hồi thì căn cứ khoản 1 Điều 18 Nghị định số 212/2025/NĐ-CP xây dựng phương án xử lý.

2. Trình và quyết định xử lý: Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro) trình Giám đốc BHXH Việt Nam để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định biện pháp xử lý.

Điều 13. Các biện pháp xử lý rủi ro

- Đối với những rủi ro có ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản, hiệu quả đầu tư thì báo cáo Giám đốc BHXH Việt Nam thực hiện điều chỉnh phương án, kế hoạch, danh mục, kỳ hạn đầu tư.

- Đối với những rủi ro làm chậm hoặc không thanh toán được lãi hoặc gốc và rủi ro dẫn đến vốn đầu tư không thu hồi đúng hạn hoặc không có khả năng thu hồi thì thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 212/2025/NĐ-CP.

Điều 14. Lưu trữ hồ sơ

Các hồ sơ, tài liệu liên quan tới quản lý rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ Quỹ BHXH, BHYT, BHTN phải được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của pháp luật, của Bộ Tài chính và BHXH Việt Nam.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ

1. Ban Quản lý Đầu tư quỹ trong quá trình thực hiện công tác đầu tư từ quỹ đồng thời xác định những rủi ro ở khâu đầu tư từ quỹ thực tế có thể phát sinh đối với từng danh mục đầu tư.

2. Ban Quản lý thu và phát triển người tham gia, Ban Thực hiện chính sách BHXH, Ban Thực hiện chính sách BHYT xác định những rủi ro có liên quan đối với hoạt động đầu tư từ quỹ về đánh giá, xác định nguồn lực trong xây dựng chiến lược đầu tư dài hạn, phương án đầu tư, kế hoạch đầu tư hằng năm, hằng tháng.

3. Ban Tài chính - Kế toán xác định những rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ có liên quan đối với hoạt động đầu tư từ quỹ bao gồm khả năng chi trả.

4. Ban Kiểm toán nội bộ tham mưu trình Giám đốc BHXH Việt Nam thành lập Bộ phận quản lý rủi ro. Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro) chủ trì giúp Giám đốc BHXH Việt Nam thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro đảm bảo các nguyên tắc của quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ và không đồng thời tham gia công tác kiểm toán nội bộ hoạt động đầu tư từ quỹ.

5. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 212/2025/NĐ-CP hằng năm hoặc theo yêu cầu quản lý rà soát, đánh giá độc lập việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế nghiệp vụ trong hoạt động đầu tư từ quỹ; kịp thời phát hiện, đề xuất biện pháp phòng ngừa, quản lý rủi ro.

6. Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số chịu trách nhiệm về bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, triển khai và duy trì hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý rủi ro, bao gồm cảnh báo sớm, báo cáo và lưu trữ dữ liệu.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Các đơn vị thuộc BHXH Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức triển khai nội dung quản lý rủi ro theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện theo dõi, quản lý, kiểm soát rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ kịp thời báo cáo Giám đốc BHXH Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về BHXH Việt Nam (qua Ban Kiểm toán nội bộ) để xem xét, trình Giám đốc BHXH Việt Nam sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./. *Duy*

RỦI RO CHIẾN LƯỢC

(Kèm theo Quyết định số 793 /QĐ-BHXH ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc BHXH Việt Nam)

STT	Danh mục đầu tư	Biểu hiện rủi ro	Biện pháp phòng ngừa	Chỉ tiêu/ngưỡng kiểm soát	Đơn vị thực hiện
1	Trái phiếu Chính phủ, Công trái xây dựng tổ quốc, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	Chênh lệch thu - chi để đầu tư; tập trung quá lớn vào một kỳ hạn; không phù hợp dòng tiền chi trả dài hạn của quỹ; lợi suất không đáp ứng mục tiêu bảo toàn và tăng trưởng quỹ.	Xây dựng chiến lược phân bổ kỳ hạn Trái phiếu Chính phủ (TPCP) phù hợp với nghĩa vụ chi trả; rà soát định kỳ chiến lược đầu tư trung - dài hạn; xác định lợi suất mục tiêu tối thiểu cho danh mục TPCP.	Kỳ hạn bình quân danh mục; tỷ lệ TPCP ngắn/dài hạn	Ban Quản lý Đầu tư quỹ; Ban Quản lý thu và phát triển người tham gia, Ban Thực hiện chính sách BHXH, Ban Thực hiện chính sách BHYT
2	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Lựa chọn danh mục đầu tư không phù hợp mục tiêu đầu tư quỹ, tỷ trọng cao nhưng hiệu quả thấp hơn Trái phiếu Chính phủ; thay đổi chính sách bảo lãnh ảnh hưởng chiến lược dài hạn.	Quy định rõ vai trò của Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh trong chiến lược danh mục; giới hạn tỷ trọng tối đa; đánh giá tác động chính sách trước khi phê duyệt chiến lược; có kịch bản điều chỉnh danh mục.	Chênh lệch lợi suất so với TPCP; tỷ trọng trái phiếu bảo lãnh/tổng quỹ đầu tư	Ban Quản lý Đầu tư quỹ
3	Trái phiếu Chính quyền địa phương	Chiến lược về phân bổ tài sản/địa phương, tập trung vào một số địa phương; đầu tư vượt mức chấp nhận rủi ro dài hạn.	Phân tán theo địa phương; đưa tiêu chí tài khóa địa phương vào chiến lược; xác định rõ vai trò danh mục này trong tổng chiến lược đầu tư.	Quy mô ngân sách địa phương; tỷ lệ nợ vay/Thu ngân sách địa phương.	
4	Gửi tiền, mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi từ ngân hàng thương mại	Chiến lược do phụ thuộc quá mức vào tiền gửi, danh mục kém đa dạng, lãi suất thấp; chiến lược lựa chọn đối tác, lựa chọn ngân hàng không phù hợp chiến lược an toàn.	Giới hạn tỷ trọng tiền gửi trong chiến lược tổng thể; xác định vai trò công cụ thanh khoản ngắn hạn; xây dựng danh sách ngân hàng chiến lược; theo dõi đánh giá xếp hạng tín nhiệm định kỳ của Ngân hàng Nhà nước.	Tỷ trọng tiền gửi /tổng quỹ đầu tư; lãi suất bình quân tiền gửi so với lạm phát	



Phụ lục II
RỦI RO TUÂN THỦ

(Kèm theo Quyết định số **793** /QĐ-BHXH ngày **18** tháng **9** năm 2026 của Giám đốc BHXH Việt Nam)

STT	Danh mục đầu tư	Biểu hiện rủi ro	Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát	Chỉ tiêu/ngưỡng kiểm soát	Đơn vị thực hiện
1	Trái phiếu Chính phủ, Công trái xây dựng tổ quốc, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	Đầu tư sai loại hình, sai kỳ hạn so với chiến lược, phương án, kế hoạch	Kiểm tra cơ sở pháp lý trước đầu tư; đối chiếu danh mục được phép đầu tư	Danh mục Trái phiếu Chính phủ hợp lệ; hạn mức theo chiến lược, phương án, kế hoạch	Ban Quản lý Đầu tư quỹ
2	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Bảo lãnh hết hiệu lực hoặc không đúng phạm vi	Rà soát điều kiện bảo lãnh trước khi mua; theo dõi hiệu lực bảo lãnh	Văn bản bảo lãnh hợp lệ; thời hạn bảo lãnh	
3	Trái phiếu Chính quyền địa phương	Vi phạm trần nợ, sai thẩm quyền phát hành	Kiểm tra trần nợ địa phương; xác minh quyết định phát hành hợp pháp	Báo cáo nợ công địa phương; Nghị quyết, Quyết định của HĐND/UBND	
4	Gửi tiền, mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi từ ngân hàng thương mại	Gửi tiền tại ngân hàng không đủ điều kiện theo quy định	Rà soát điều kiện ngân hàng nhận tiền gửi; cập nhật danh sách ngân hàng đủ điều kiện	Tỷ lệ an toàn vốn; xếp loại ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước	



Phụ lục III
RỦI RO THỊ TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số 793 /QĐ-BHXH ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc BHXH Việt Nam)

STT	Danh mục đầu tư	Biểu hiện rủi ro	Biện pháp phòng ngừa	Chỉ tiêu/ngưỡng kiểm soát	Đơn vị thực hiện
1	Trái phiếu Chính phủ, Công trái xây dựng tổ quốc, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	Biến động lãi suất, giá trái phiếu	Quản lý kỳ hạn; phân tán kỳ hạn trái phiếu	Biến động giá; kỳ hạn bình quân danh mục	Ban Quản lý Đầu tư quỹ
2	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Lãi suất, thanh khoản thị trường	Giới hạn tỷ trọng; theo dõi thị trường thứ cấp	Chênh lệch lợi suất; khả năng chuyển nhượng	
3	Trái phiếu Chính quyền địa phương	Biến động lãi suất; rủi ro thị trường thứ cấp	Đánh giá khả năng giao dịch; hạn chế tập trung	Giá giao dịch; thanh khoản	
4	Gửi tiền, mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi từ ngân hàng thương mại	Biến động lãi suất thị trường	Lựa chọn kỳ hạn phù hợp; so sánh lãi suất định kỳ	Mức chênh lệch lãi suất so với thị trường	



Phụ lục IV
RỦI RO TÍN DỤNG

(Kèm theo Quyết định số **793** /QĐ-BHXH ngày **18** tháng **9** năm 2026 của Giám đốc BHXH Việt Nam)

STT	Danh mục đầu tư	Biểu hiện rủi ro	Biện pháp phòng ngừa	Chỉ tiêu/ngưỡng kiểm soát	Đơn vị thực hiện
1	Trái phiếu Chính phủ, Công trái xây dựng tổ quốc, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	Được Chính phủ đảm bảo khả năng thanh toán gốc, lãi nên rủi ro rất thấp.	Đầu tư đúng danh mục được phép; giới hạn tỷ trọng theo kỳ hạn	Không vượt ngưỡng theo chiến lược đầu tư; trần nợ công/GDP	Ban Quản lý Đầu tư quỹ
2	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Bên được bảo lãnh mất khả năng trả nợ	Thẩm định năng lực tài chính tổ chức được bảo lãnh; giới hạn tỷ trọng theo từng tổ chức	Không đầu tư khi có dấu hiệu mất khả năng thanh toán	
3	Trái phiếu Chính quyền địa phương	Ngân sách địa phương suy giảm	Phân tích ngân sách địa phương; không tập trung vào một địa phương	Theo hạn mức về nợ công của ngân sách địa phương; cân đối thu-chi ngân sách và nợ vay địa phương	
4	Gửi tiền, mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi từ ngân hàng thương mại	Ngân hàng mất khả năng chi trả	Phân tán tiền gửi; lựa chọn ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao	Chỉ gửi tại ngân hàng đạt xếp loại theo quy định; tỷ lệ an toàn vốn và kết quả xếp hạng của NHNN	



Phụ lục V
RỦI RO THANH KHOẢN

(Kèm theo Quyết định số **793** /QĐ-BHXH ngày **18** tháng **9** năm 2026 của Giám đốc BHXH Việt Nam)

STT	Danh mục đầu tư	Biểu hiện rủi ro	Biện pháp phòng ngừa	Chỉ tiêu/ngưỡng kiểm soát	Đơn vị thực hiện
1	Trái phiếu Chính phủ, Công trái xây dựng tổ quốc, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	Tập trung đáo hạn vào cùng thời điểm; thị trường thứ cấp kém sôi động theo kỳ hạn	Phân tán lịch đáo hạn; ưu tiên công cụ có thị trường thứ cấp tốt; nắm giữ đến đáo hạn khi cần	Tỷ lệ TPCP ngắn hạn tối thiểu trong danh mục	Ban Quản lý Đầu tư quỹ
2	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Khó chuyển nhượng khi chính sách bảo lãnh thay đổi	Giới hạn tỷ trọng; đánh giá khả năng bán lại trước đầu tư	Tỷ trọng tối đa trong danh mục đầu tư; đánh giá thanh khoản trước đầu tư	
3	Trái phiếu Chính quyền địa phương	Thị trường thứ cấp hạn chế giao dịch tài sản này	Chỉ đầu tư tỷ trọng phù hợp; gắn kỳ hạn với kế hoạch chi trả dài hạn	Hạn mức đầu tư/địa phương	
4	Gửi tiền, mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi từ ngân hàng thương mại	Kỳ hạn tiền gửi không phù hợp nhu cầu chi trả	Cơ cấu tiền gửi theo nhiều kỳ hạn; duy trì tỷ lệ tiền gửi ngắn hạn	Tỷ lệ tiền gửi tối đa 12 tháng	



Phụ lục VI
RỦI RO ĐẦU TƯ TẬP TRUNG

(Kèm theo Quyết định số **793** /QĐ-BHXH ngày **18** tháng **9** năm 2026 của Giám đốc BHXH Việt Nam)

STT	Danh mục đầu tư	Biểu hiện rủi ro	Biện pháp phòng ngừa	Chỉ tiêu/ngưỡng kiểm soát	Đơn vị thực hiện
1	Trái phiếu Chính phủ, Công trái xây dựng tổ quốc, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	Tập trung vào một kỳ hạn hoặc thời điểm đáo hạn	Phân bổ theo dải kỳ hạn (ngắn - trung - dài hạn); xây dựng kế hoạch đáo hạn phân tán.	Tỷ trọng tối đa theo từng nhóm kỳ hạn.	Ban Quản lý Đầu tư quỹ
2	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Tập trung vào một tổ chức phát hành được bảo lãnh	Giới hạn tỷ trọng theo từng tổ chức phát hành; rà soát định kỳ danh mục bảo lãnh	Tỷ trọng tối đa/đơn vị phát hành	
3	Trái phiếu Chính quyền địa phương	Tập trung vào một địa phương hoặc vùng	Phân tán theo nhiều địa phương; ưu tiên địa phương có tình hình hoàn thành dự toán Ngân sách Nhà nước (NSNN)	Hạn mức đầu tư/địa phương.	
4	Gửi tiền, mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi từ ngân hàng thương mại	Tập trung tiền gửi vào một ngân hàng	- Phân tán tiền gửi nhiều ngân hàng đủ điều kiện - Xác định hạn mức tiền gửi tối đa	Tỷ trọng tiền gửi tối đa/ngân hàng.	



Phụ lục VII
RỦI RO CHÍNH SÁCH

(Kèm theo Quyết định số **793** /QĐ-BHXH ngày **15** tháng **9** năm 2026 của Giám đốc BHXH Việt Nam)

STT	Danh mục đầu tư	Biểu hiện rủi ro	Biện pháp phòng ngừa	Chỉ tiêu/ngưỡng kiểm soát	Đơn vị thực hiện
1	Trái phiếu Chính phủ, Công trái xây dựng tổ quốc, Tín phiếu Kho bạc Nhà nước	Thay đổi chính sách tài khóa, phát hành, lãi suất điều hành	Theo dõi thường xuyên định hướng chính sách tài khóa - tiền tệ; ưu tiên nắm giữ đến đáo hạn; đa dạng hóa kỳ hạn trái phiếu.	Cập nhật chính sách vĩ mô; biến động lãi suất điều hành NHNN	Ban Quản lý Đầu tư quỹ
2	Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh	Thay đổi phạm vi, điều kiện bảo lãnh của Nhà nước	Đánh giá định kỳ hiệu lực bảo lãnh; không đầu tư mới khi có tín hiệu thu hẹp bảo lãnh.	Văn bản quy phạm pháp luật về Quản lý nợ công và Bảo lãnh Chính phủ	
3	Trái phiếu Chính quyền địa phương	Thay đổi cơ chế vay, trả nợ, phân cấp ngân sách	Rà soát tuân thủ trần nợ địa phương; chỉ đầu tư địa phương có xếp hạng tài chính tốt.	Các dự thảo sửa đổi Luật Ngân sách, Luật quản lý nợ công	
4	Gửi tiền, mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi từ ngân hàng thương mại	Thay đổi chính sách tiền tệ, quy định an toàn hệ thống ngân hàng	Lựa chọn ngân hàng đáp ứng chuẩn an toàn theo quy định; phân tán tiền gửi	Chính sách trần lãi suất tiền gửi của NHNN; Thông tư quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với NHTM	

(Kèm theo Quyết định số 793 /QĐ-BHXH ngày 18 tháng 9 năm 2026
của Giám đốc BHXH Việt Nam)

Số:/BC

....., ngày tháng năm

Tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ Quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Thực hiện Quyết định số 428/QĐ-BHXH ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam ban hành Quy chế đầu tư quỹ BHXH, quỹ bảo hiểm y tế (BHYT), quỹ bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) và quỹ dự phòng rủi ro và Quyết định số .../QĐ-BHXH ngày .../.../2026 của Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành Quy chế quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN.

...¹ báo cáo kết quả tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN; cụ thể như sau:

a) Phạm vi

b) Thời kỳ kiểm tra, đánh giá

c) Nội dung kiểm tra, đánh giá: Việc tuân thủ quy định pháp luật; Việc tuân thủ Quy chế, Quy trình đầu tư; Công tác quản lý những công việc được phân công có liên quan đến đầu tư; Công tác tự nhận diện, đo lường và tự kiểm tra rủi ro

- Rủi ro phát sinh

- Mức độ rủi ro

- Nguyên nhân

- Biện pháp kiểm soát hiện

- Đánh giá chung về mức độ tuân thủ/ mức độ an toàn danh mục đầu tư/ mức độ an toàn thanh khoản/ mức độ an toàn, hiệu quả đầu tư/ các rủi ro trọng yếu/ xu hướng rủi ro (tăng/giảm/ổn định).

3. Kiến nghị, đề xuất biện pháp phòng ngừa, khắc phục rủi ro (nếu có)

Trên đây là báo cáo kết quả tự kiểm tra, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN, ...¹ gửi Ban Kiểm toán nội bộ (Bộ phận quản lý rủi ro) tổng hợp chung, tham mưu báo cáo Giám đốc BHXH Việt Nam ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT 

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên)

¹ Tên đơn vị báo cáo

Mẫu số 02: Báo cáo đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ Quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

(Kèm theo Quyết định số 793 /QĐ-BHXH ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Giám đốc BHXH Việt Nam)

**BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
BỘ PHẬN QUẢN LÝ RỦI RO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ Quỹ BHXH, BHYT, BHTN

Kính gửi: Giám đốc BHXH Việt Nam.

Thực hiện Quyết định số 428/QĐ-BHXH ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam ban hành Quy chế đầu tư quỹ BHXH, quỹ bảo hiểm y tế (BHYT), quỹ bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) và quỹ dự phòng rủi ro và Quyết định số /QĐ-BHXH ngày .../.../2026 của Giám đốc BHXH Việt Nam ban hành Quy chế quản lý rủi ro hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN.

Bộ phận Quản lý rủi ro báo cáo kết quả giám sát, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN như sau:

1. Phạm vi và nội dung giám sát

- Phạm vi
- Nội dung giám sát

2. Kết quả giám sát, đánh giá rủi ro

- Rủi ro phát sinh
- Mức độ rủi ro
- Nguyên nhân
- Đánh giá chung

3. Kiến nghị, cảnh báo rủi ro

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát, đánh giá rủi ro đối với hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN. Bộ phận Quản lý rủi ro báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của Giám đốc BHXH Việt Nam./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng ban Kiểm toán nội bộ (để báo cáo);
- Lưu: VT, Bộ phận quản lý rủi ro.

BỘ PHẬN QUẢN LÝ RỦI RO
(Ký tên)